

Bản án số: 143/2022/HS-PT

Ngày: 22 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Kim Oanh.

Ông Lê Thành Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 146/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Kim N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Kim N, sinh ngày 05/5/1985 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Võ Thị M; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

Ngoài ra không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Kim N nguyên là viên chức của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H) được phân công nhiệm vụ bán hồ sơ đấu giá, thu, gửi tiền đặt cọc của các cá nhân, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất từ năm 2011 đến ngày 31/12/2016. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng sự sơ hở, buông lỏng của lãnh đạo đơn vị, bị cáo N thu tiền của các cá nhân, tổ chức đặt cọc tham gia

đấu giá quyền sử dụng đất nhưng không nộp vào tài khoản đơn vị mà tự ý chuyển vào tài khoản cá nhân nhằm mục đích lấy lãi và giữ tiền mặt sử dụng mục đích cá nhân. Cụ thể:

Giai đoạn từ năm 2011 đến trước ngày 01/7/2016: Bị cáo N thu tiền đặt cọc của các cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất với tổng số tiền là 7.332.750.000 đồng nhưng chậm nộp vào tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản ngân hàng của Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H) mà tự ý giữ tiền mặt và chuyển số tiền trên vào tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (gọi tắt là VietinBank) - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H, loại tiền gửi không kỳ hạn với lãi suất từ 0,1%/năm - 0,3%/năm mà không có sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H) nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân.

Giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến ngày 18/4/2018: Bị cáo N sử dụng trái phép số tiền 450.700.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) và 154.500.000 đồng của ông Nguyễn Văn Y, tổng cộng là 605.200.000 đồng, được thực hiện như sau:

- Ngày 13/8/2016, bị cáo N thu tiền đặt cọc thuê quyền sử dụng đất của BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp, Phòng giao dịch H số tiền 450.700.000 đồng nhưng tự ý nộp vào tài khoản cá nhân mở tại VietinBank số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 15/8/2016 và giữ lại tiền mặt 50.700.000 đồng. Đến ngày 12/4/2018, bị cáo N rút tài khoản số tiền 400.000.000 đồng, cộng với số tiền 50.700.000 đồng tiền mặt là 450.700.000 đồng và gửi trả lại cho BIDV.

- Ngày 03/10/2016, bị cáo N thu tiền đặt cọc của ông Nguyễn Văn Y số tiền 154.500.000 đồng, giữ tại cơ quan. Đến ngày 17/5/2017, bị cáo N tự ý nộp vào tài khoản cá nhân mở tại VietinBank 120.000.000 đồng và giữ tiền mặt tại nhà số tiền 34.500.000 đồng. Đến ngày 17/4/2018, bị cáo N rút tài khoản số tiền 120.000.000 đồng, cộng với số tiền mặt 34.500.000 đồng, tổng cộng là 154.500.000 đồng và gửi trả lại số tiền này của ông Nguyễn Văn Y qua Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất vào ngày 18/4/2018. Chị Trương Thị Bạch Y1 đại diện Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H) nhận giữ và gửi số tiền 154.500.000 đồng vào sổ tiết kiệm cá nhân, không nộp vào tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản Ngân hàng của cơ quan, đến ngày 24/7/2018 rút số tiền gửi tiết kiệm 154.500.000 đồng và lãi 1.589.700 đồng nộp vào tài khoản của cơ quan tại Kho bạc Nhà nước thị xã H (nay là thành phố H), đến ngày 04/01/2019 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H) chuyển trả số tiền 154.500.000 đồng và lãi 1.589.700 đồng cho ông Nguyễn Văn Y1 làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Tổng lãi suất bị cáo N thu lợi từ năm 2011 đến ngày 24/7/2018 là 3.542.317 đồng (số tiền này đã nộp vào ngân sách nhà nước).

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ: Danh sách sao kê tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất mở tại VietinBank - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H; Danh sách sao kê tài khoản của bị cáo Trần Kim N mở tại VietinBank - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H; 01 (một) sổ hợp cơ quan (10 trang) của Trung tâm Phát triển quỹ đất năm 2016; 01 (một) sổ biên lai tạm thu tiền (Quyển sổ 01, năm 2013); 01 (một) sổ biên lai tạm thu tiền đặt cọc (Quyển sổ 03, năm 2014); 01 (một) sổ biên lai tạm thu (Quyển sổ 03, năm 2015); 01 (một) sổ biên lai tạm thu (Quyển sổ 04, năm 2015 + 2016); 01 (một) sổ biên lai tạm thu (Quyển sổ 01, năm 2016); 01 (một) sổ biên lai tạm thu (Quyển sổ 02, năm 2016); 01 (một) sổ biên lai tạm thu (Quyển sổ 03, năm 2016).

Tại công văn số: 257/TCKH-NS ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã H (nay là thành phố H), kết luận:

“...nếu là tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá thì chưa thuộc Ngân sách Nhà Nước, còn nếu là tiền đặt cọc trúng đấu giá thì thuộc Ngân sách Nhà Nước.

Xác định có gây thiệt hại cho tổ chức cá nhân không? Phòng Tài chính - Kế hoạch không xác định được, do đến thời điểm kiểm tra (7/2018) đơn vị đã chuyển số tiền trúng đấu vào ngân sách nhà nước và số tiền không trúng đấu đã chuyển trả cho các tổ chức và cá nhân không trúng đấu”.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bị cáo Trần Kim N lợi dụng sự thiếu quản lý, kiểm tra của lãnh đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã H (giai đoạn năm 2011 đến ngày 31/12/2016) và của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã H (giai đoạn ngày 01/01/2017 đến ngày 18/4/2018), đã sử dụng số tiền đặt cọc của tổ chức, cá nhân nộp vào tài khoản cá nhân và giữ tiền mặt để tiêu xài.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu.

Quá trình điều tra, bị cáo N đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 08/4/2021, được sửa chữa, bổ sung ngày 11/5/2021, Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 177; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Kim N phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Kim N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, bị cáo Trần Kim N kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền hoặc xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Kim N rút kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền, bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo. Lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, đang phụng dưỡng cha mẹ, chồng làm tù thiện không có lương.

Anh Nguyễn Hoàng H1, chị Trương Thị Bạch Y1 thống nhất với bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Kim N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Kim N phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 177 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền hoặc xem xét cho bị cáo N được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N rút kháng cáo xin chuyển sang hình phạt tiền, bị cáo N chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo N là phù hợp. Bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo N có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chồng bị cáo tích cực tham gia công tác xã hội, sau khi bị phát hiện thì bị cáo N đã tích cực khắc phục hậu quả nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe.

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Kim N, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Bị cáo N không tranh luận với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Lời nói sau cùng, bị cáo N mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Kim N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan

điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở khẳng định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công bán hồ sơ đấu giá, thu, gửi tiền đặt cọc của các cá nhân, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, lợi dụng sự sơ hở, buông lỏng của lãnh đạo Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã H (nay là thành phố H), bị cáo N thu tiền đặt cọc thuê quyền sử dụng đất của BIDV - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H số tiền 450.700.000 đồng ngày 13/8/2016, thu tiền đặt cọc của ông Nguyễn Văn Y số tiền 154.500.000 đồng ngày 03/10/2016 nhưng không nộp vào tài khoản đơn vị mà tự ý chuyển vào tài khoản cá nhân số tiền 520.000.000 đồng nhằm mục đích lấy lãi và giữ tiền mặt sử dụng mục đích cá nhân.

[2] Với hành vi như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Kim N phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 177 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Kim N.

[3.1] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo N là phù hợp. Bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và xử phạt bị cáo N 09 tháng tù là phù hợp.

[3.2] Sau khi bị phát hiện, bị cáo N đã nộp khắc phục toàn bộ hậu quả trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo; chồng của bị cáo tích cực tham gia công tác xã hội ở địa phương; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

[3.3] Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo N được áp dụng vẫn còn tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù, có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do bị cáo N có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo N.

[4] Những ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Kim N và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật do phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Trần Kim N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Kim N.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 08/4/2021, được sửa chữa, bổ sung ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 177; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Kim N phạm tội “Sử dụng trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Kim N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2022).

Giao bị cáo Trần Kim N về Ủy ban nhân dân xã Long Kháng A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Kim N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND - VKSND thành phố H;
- Chi cục THAHS thành phố H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố H;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- UBND xã Long Khánh A, huyện H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).

Nguyễn Thị Thúy Hằng